

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MINH HỌA

MÔN NGỮ VĂN

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đ ơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..	Nhận biết: - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ. - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản. - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng. Vận dụng: - Rút ra được bài học từ văn bản. - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Truyện nàng tiên ốc

Ngày xưa ngày xưa, ở một ngôi làng nhỏ nọ, có một bà lão tuổi cũng đã cao và vô cùng nghèo khó. Trông bà rất gầy gò, ốm yếu, nét mặt bà nhăn nhúm và đượm một vẻ buồn phiền. Bà sống một mình trong một chiếc lều nhỏ rách nát chỉ đủ che mưa che nắng chứ không che được những cơn gió rét của mùa đông. Bà không có con, không có cháu bên cạnh mình để đỡ đần và chăm sóc những lúc ốm đau.

Ngày qua ngày, bà phải ra ngoài đồng mò từng con cua, bắt từng con ốc nhỏ để đổi lấy tiền mua gạo sinh sống qua ngày.

Rồi một hôm, trong lúc đang bắt ốc, bà bắt được một con ốc rất đẹp. Con ốc có chiếc vỏ màu xanh ngọc bích, nó to hơn ngón cái bà một chút và tỏa ra những ánh sáng lấp lánh rất đẹp dưới ánh mặt trời. Bà vui mừng, nâng niu con ốc trên đôi bàn tay gầy guộc nhăn nheo và dầy vết chai sạm của mình. Bà thấy rất thương ốc nên bà không bán mà đem nó về nuôi trong một chiếc chum nước dựng ở sân nhà.

Ngày qua ngày, bà vẫn cặm cụi với công việc của mình. Bà vẫn ra đồng mò cua bắt ốc. Nhưng bà rất đổi ngạc nhiên khi trở về nhà, tất cả sân nhà đã sạch sẽ thơm mát, vườn rau phía sau nhà thì đã sạch cỏ, cơm nước trên bàn đã nấu tinh thơm. Bà nghĩ mãi nhưng không thể nghĩ được ai đã giúp mình.

Hôm sau, bà vẫn ra đồng như thường lệ nhưng lần này giữa buổi bà quay trở về nhà. Về tới cổng, bà rón rén bước tới nép sau cánh cửa để xem ai giúp bà hôm qua. Bà thấy từ trong chiếc chum nước bước ra là một cô gái xinh đẹp, làn da cô trắng hồng, đôi mắt to đen như mắt bồ câu ẩn dưới hai hàng mi cong vút. Mái tóc cô đen một màu đen ánh và dài óng ả. Cô khoác trên mình một chiếc áo màu ngọc bích, dáng đi nhẹ nhàng uyển chuyển nhưng cô vẫn làm việc nhà một cách nhanh thoăn thoắt. Cô dọn dẹp nhà cửa, quét sân, nhổ cỏ sau vườn. Khi công việc vườn tược xong xuôi, cô lại đang gạo nấu cơm cho bà lão.

– Con gái! Hãy ở lại đây với mẹ!
 Từ đó trở đi, bà lão và cô gái sống với nhau rất vui vẻ và hạnh phúc.
 (Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyền cổ tích Việt Nam*, NXB Trẻ 2019).

Câu 1. Truyền nàng tiên Ốc thuộc thể loại nào?

Câu 2. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?

Câu 3. Vì sao bà phải ra ngoài đồng mò từng con cua, bắt từng con ốc nhỏ?

Câu 4. Thành ngữ nào sau đây diễn tả đúng tình huống của bà lão khi gặp được nàng tiên nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa?

Câu 5. Tại sao khi bắt được Ốc thì bà lão lại không bán?

Câu 6. Điều gì khiến nàng tiên Ốc không thể chui vào trong chum?

Câu 7. Nhân xét nào sau đây đúng với truyền Nàng tiên Ốc?

Câu 8. Tại sao bà lão lại đập vỡ vỏ ốc.

A. Vì bà muốn cô gái sống cùng với mình.
B. Vì bà muốn cô gái làm việc cho mình.
C. Vì bà sợ cô biến mất không về nữa.
D. Vì bà sợ cô không làm việc giúp bà nữa.

Câu 9. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.

Câu 10. Truyện nàng tiên Ốc có ý nghĩa như thế nào ?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Bằng trí tưởng tượng hoặc bằng trải nghiệm thực của mình, em hãy viết bài văn kể lại một giấc mơ đẹp.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	- Bài học: lòng yêu thương giữa người với người...	1,0
	10	- Sống phải biết yêu thương, quý trọng nhau, luôn biết giúp đỡ người khác.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể về một giấc mơ đẹp	0,25
		c. Kể lại giấc mơ HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được giấc mơ. - Các sự kiện chính trong giấc mơ: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Cảm giác sau khi tỉnh giấc.	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,5

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương /	Nội dung/Đơn	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức
----	----------	--------------	-----------------	----------------------------------

	Chủ đề	vị kiến thức		Nhận biết	Thôn g hiếu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiếu	Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được đối tượng mà văn bản hướng đến. - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận. Thông hiếu: - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các lí lẽ, dẫn chứng trong văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Vận dụng: - Rút ra được bài học; trình bày được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân. - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị của văn bản theo quan niệm của cá nhân.	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận	Nhận biết: Thông hiếu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.				1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

